

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TC

Bình Sơn, ngày tháng năm 2021

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 - năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 3252/STC-NS ngày 21/10/2021 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi về việc tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Qua nghiên cứu các nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. UBND huyện Bình Sơn cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022- năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Tuy nhiên, có một số nội dung đề xuất như sau:

**I. Đối với định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho cấp huyện, thành phố**

**- Điều 5. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính**

1. Phân bổ theo tiêu chí biên chế và chia theo vùng.

*Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Vùng đặc biệt khó khăn	33
Vùng khó khăn	31
Đô thị	27
Vùng khác còn lại	29

2. Đề nghị sửa đổi thành: Định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm sửa chữa thường xuyên, các khoản chi hành chính, nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm của cơ quan; kinh phí mua sắm, thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho cán bộ, công chức và máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến (**trừ máy photocopy, máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay**) phục vụ công tác hành chính, văn thư, tiếp dân, bộ phận một cửa của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Lý do sửa đổi: Định mức phân bổ chi quản lý hành chính theo tiêu chí biên chế và chia theo vùng, vì định mức nêu trên bao gồm cả các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên...chỉ trừ máy photocopy, qua kết quả thực hiện giai đoạn 2017-2021, định mức được tính là 26 triệu đồng/biên chế đã không đủ kinh phí hoạt động...nếu như định mức năm đầu ổn định 2022-2025 chỉ tăng 3 triệu đồng/biên chế và theo vùng thì cũng không đủ để chi hoạt động, còn tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện CCTL. Ví dụ trong năm 2022 đơn vị có số chỉ tiêu biên chế ít mà có nhu cầu cần trang bị mua sắm máy vi tính theo tiêu chuẩn, định mức là 15 triệu đồng/máy thì kinh phí còn lại sau khi tiết kiệm 10% thực hiện CCTL không đủ để chi hoạt động tại đơn vị đó, do đó cần xem xét tăng định mức chi quản lý hành chính tăng thêm 6 triệu đồng/biên chế và đã bao gồm các khoản mua sắm, sửa chữa ...“(trừ máy photocopy, máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay)”.

7. Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện:

“b) Các huyện, thị xã, thành phố còn lại được phân bổ thêm **2.500 triệu đồng/huyện thành**.

*Kinh phí phân bổ theo đơn vị hành chính cấp huyện nêu trên bao gồm kinh phí hoạt động như chế độ chi tiêu của HĐND huyện”.*

- Định mức phân bổ thêm giai đoạn 2017-2021 là: **3.500 triệu đồng/huyện**, đã không đủ chi cho các nội dung chi một số chế độ hoạt động của Huyện ủy theo Quy định số 963-QĐ/TU ngày 08/3/2018 của Tỉnh ủy và một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 và Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016, trong khi đó xây dựng định mức giai đoạn 2022-2025 là: **2.500 triệu đồng/huyện**, thấp hơn **35% so** với giai đoạn 2017-2020.

*Vì vậy, đề nghị bổ sung nâng định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp huyện **7.000 triệu đồng/huyện**, có như vậy mới đảm bảo các hoạt động như: Chế độ chi tiêu của HĐND huyện theo Quy định số 963-QĐ/TU ngày 08/3/2018 của Tỉnh ủy và một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 13/3/2013 và Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016; Hoạt động đặc thù của UBND huyện; Kinh phí trích lập quỹ thi đua- khen thưởng theo theo Thông tư 71/2011/TT-BTC và hỗ trợ các quỹ khác như: quỹ vốn vay giải quyết việc làm ủy thác qua ngân hàng chính sách, quỹ hỗ trợ nông dân, quỹ hỗ trợ quỹ vì người nghèo...).*

### **- Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo**

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể từ 1 đến 18 tuổi) và phân theo vùng.

*Đơn vị tính : đồng/người/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Vùng đặc biệt khó khăn	48.000
Vùng khó khăn	30.000
Đô thị	18.000
Vùng khác còn lại	24.000

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp) và kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi hoạt động đào tạo của các Trung tâm chính trị huyện, thị xã, thành phố theo quy định; kinh phí đào tạo lại, chế độ hỗ trợ, kinh phí mở các lớp Trung cấp chính trị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; kinh phí của Trung tâm học tập cộng đồng.

Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo giai đoạn năm 2017-2021: **2.354 triệu đồng/năm**. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo giai đoạn năm 2022-2025 theo tiêu chí dân số (không kể từ 1 đến 18 tuổi) và phân theo vùng: **1.590 triệu đồng**, thấp hơn 32,45 % so với giai đoạn 2017-2021. Do đó, cần xem xét tăng định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo để đảm bảo bổ sung cho các nội dung như: kinh phí đào tạo lại, chế độ hỗ trợ, kinh phí mở các lớp Trung cấp chính trị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; kinh phí của Trung tâm học tập cộng đồng.

**- Điều 14: Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế**

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và phân theo vùng.

*Đơn vị tính: đồng/người/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Vùng đặc biệt khó khăn	350.000
Vùng khó khăn	262.000
Đô thị	149.000
Vùng khác còn lại	175.000

Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế giai đoạn năm đầu 2017 là **32.737 triệu đồng/năm**. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế giai đoạn năm 2022-2025 theo tiêu chí dân số và phân theo vùng: **19.800 triệu đồng**, thấp hơn 39,52 % so với giai đoạn 2017-2021. Nếu phân bổ chi hoạt động kinh tế giai đoạn 2022-2025 theo tiêu chí dân số và phân theo vùng thì không đủ để thực hiện chi cho các nội dung chi sự nghiệp kinh tế như chi sự nghiệp giao thông để sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường theo quy định...

Kiến nghị sửa đổi: *Chi sự nghiệp kinh tế tính 9% trên tổng chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ Điều 5 đến điều 13).*

**II. Đối với định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các xã, phường, thị trấn**

**- Điều 18. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính**

4. Sửa đổi “phụ cấp đại biểu HĐND xã, phụ cấp cấp ủy xã” thành “*phụ cấp đại biểu HĐND xã và tính đóng BHYT 4,5% đối với đại biểu HĐND xã không hưởng lương từ ngân sách, phụ cấp cấp ủy*”.

**Điều 20. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chỉ sự nghiệp văn hoá thông tin.**

*Đơn vị: đồng/người/năm*

Phân theo vùng	Định mức phân bổ
Vùng đặc biệt khó khăn	29.000
Vùng khó khăn	19.800
Đô thị	14.300
Vùng khác còn lại	16.500

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, nhu cầu thực tế chi cho công tác toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND của xã có dân số thấp nhất (như xã Bình An): **80 triệu đồng**, trong khi đó phân bổ định mức chỉ tiêu theo dân số chỉ có **62 triệu đồng**. Do đó, không đủ kinh phí cho chỉ hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin và chi theo Nghị quyết số 04/2018/NĐ-HĐND.

Đề nghị xem xét sửa đổi: Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, thành “*Bổ sung kinh phí thực hiện toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.*”

**III. Tại Điều 29. Các quy định khác**

Dự thảo Nghị quyết: “ a. *Các huyện có dân số thấp dưới 20.000 dân và huyện Bình Sơn được phân bổ thêm 7%*”

*b. Thành phố Quảng Ngãi và Thị xã Đức Phổ được phân bổ thêm 10%*”.

Đề nghị sửa thành:

“ a. *Các huyện có dân số thấp dưới 20.000 dân được phân bổ thêm 7%*”

*b. Thành phố Quảng Ngãi, Thị xã Đức Phổ và huyện Bình Sơn được phân bổ thêm 10%*”.

Lý do sửa đổi:

Định mức giai đoạn 2017-2021, huyện Bình Sơn đã được phân bổ thêm 10%. Đồng thời huyện Bình Sơn là địa phương có địa bàn rộng (22 xã, thị trấn), có Khu kinh tế Dung Quất, có nhiều Công ty, doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, nộp thu điều tiết về ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, có nhiều vụ việc phức tạp phải giải quyết liên quan đến Khu kinh tế Dung Quất; Mặt khác, trong giai đoạn 2021-2025 huyện Bình Sơn cần phải thực hiện hoàn thành các tiêu chí để đến năm 2025 trở thành Thị xã theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi.

Kính đề nghị Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng huyện;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Đồng**